TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **394** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Hoan;** Ông **Nguyễn Đại Huy**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Thuý** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Minh Hải** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/8/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 07 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A1, sinh năm 1985

+ **Bị đơn**: Anh Trần Quang L, sinh năm 1980

HKTT: Thôn 1, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Chị A1 có mặt, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24/04/2023 , bản tự khai ngày 27/04/2023 chị Nguyễn Thị A1 trình bày: Chị Nguyễn Thị A1 kết hôn với anh Trần Quang L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, ngày 11/01/2006. Sau khi kết hôn chị A1 và anh L về chung sống tại gia đình anh L ở thôn 1, xã T, huyện B, TP. Hà Nội cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 17 năm thì đến năm 2021 mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên uống rượu, gây sự, chửi bới, đánh đập chị A1, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không chia sẻ, cảm thông được cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung bế tắc và căng thẳng. Chị A1 và anh L sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Nay chị A1 xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh Trần Quang L.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị A1 xác định vợ chồng có 02 con chung là: Trần Quang K, sinh ngày 22/9/2006 và Trần Thị N1, sinh ngày 05/12/2012. Hiện hai con chung đều đang sống cùng anh L. Về quan điểm đối với con chung: chị A1 đồng ý để anh L tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các con chung đều đủ 18 tuổi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho cả hai cháu kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi theo yêu cầu của anh L đến khi có quyết định thay đổi khác. Hiện chị A1 đang làm thuê phục vụ bàn cho một cửa hàng ăn uống tại Hà Nội, thu nhập mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- *Về Tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung:* Chị A1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung.

Đối với anh Trần Quang L, Tòa án nhân dân huyện B đã triệu tập anh L nhiều lần nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, ngày 15/5/2023 Tòa án nhân dân huyện B đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án số 183 ngày 28/4/2023 cho anh L, anh L đã nhận thông báo nhưng không ký nhận vào biên bản giao nhận và không nêu rõ lý do, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2023, anh Trần Quang L trình bày: Anh có kết hôn hợp pháp với chị Nguyễn Thị A1 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 11/01/2006 và chung sống cùng nhau ngay tại thôn 1, xã T. Vợ chồng chung sống được 16 năm thì mâu thuẫn phát sinh, bất đồng quan điểm, anh có đuổi chị A1 ra khỏi nhà và chị A1 cũng bỏ nhà đi luôn từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị A1 xin ly hôn, anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn đoàn tụ và không đồng ý ly hôn chị A1. Về con chung: Anh L xin được nuôi dưỡng cả hai con chung là Trần Quang K, sinh ngày 22/9/2006 và Trần Thị N1, sinh ngày 05/12/2012 và yêu cầu chị A1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, nợ chung: Anh L xác định không có.

Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Trần Quang L đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Quang L vắng mặt không có lý do. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Trần Quang L, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Trần Quang L, Anh L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không chấp hành pháp luật, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị A1, anh Trần Quang L tại xã T, tại biên bản xác minh ngày 22/5/2023 đối

với Ủy ban nhân dân xã T và biên bản làm việc ngày 22/5/2023 tại gia đình anh Trần Quang L, được biết: Chị A1 và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu vào năm 2006 và cùng chung sống tại thôn 1, xã T. Tuy nhiên vợ chồng chị A1, anh L thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi và xô xát, cuộc sống chung căng thẳng và bế tắc, chị A1 đã bỏ đi không chung sống cùng anh L từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với các con chung của chị A1 và anh L, hiện đang do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, do phía anh Trần Quang L không hợp tác, không đồng ý để Tòa án và chính quyền địa phương gặp gỡ, trao đổi với các cháu nên không biết nguyện vọng, quan điểm của các cháu muốn chung sống cùng ai. Hiện các con chung vẫn đang được anh L chăm sóc tốt, phát triển bình thường, ổn định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay Chị Nguyễn Thị A1 vẫn giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ. Anh Trần Quang L vắng mặt không lý do, đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa: Việc thụ lý và giải quyết, thu thập chứng cứ trong vụ án ly hôn của Tòa án là đúng theo các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227,Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A1, cho chị A1 được ly hôn anh Trần Quang L. Về con chung: có 02 con chung là: Trần Quang K, sinh ngày 22/9/2006 và Trần Thị N1, sinh ngày 05/12/2012. Đề nghị giao cả hai con chung cho anh Trần Quang L được chăm sóc,nuôi dưỡng đến khi các con chung đều đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị A1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho cả hai con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ: Chưa xem xét giải quyết trong vụ án. Án phí: Chị Nguyễn Thị A1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị A1 khởi kiện xin ly hôn anh Trần Quang L có hộ khẩu thường trú: thôn 1, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A1 và anh Trần Quang L là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2006 tại UBND xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A1 và anh L thấy rằng: Trong thời gian chung sống giữa chị A1, anh L có mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi, xô xát. Chị A1 và anh L đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Nay chị A1 xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh L. Đối với anh Trần Quang L, tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không lý do, trong quá trình giải quyết vụ án anh L đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L vẫn vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai, anh L trình bày mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nhưng khi Tòa án tổ chức các phiên hòa giải, anh L đều vắng mặt, do vậy anh L tự đánh mất, khước từ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được pháp luật bảo vệ, không thực sự tha thiết đoàn tụ vợ chồng với chị A1. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị A1 là chính đáng, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị A1 và anh L đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã quá lâu, cuộc sống chung của chị A1 và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A1, cho chị Nguyễn Thị A1 được ly hôn anh Trần Quang L là phù hợp và có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị A1 và anh L đều xác định có 02 con chung là: Trần Quang K, sinh ngày 22/9/2006 và Trần Thị N1, sinh ngày 05/12/2012. Chị A1 và anh L đều thống nhất giao cả hai con chung cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đều đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị A1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L cụ thể như sau: Cấp dưỡng nuôi cháu Trần Quang K số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 8/2023 đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị N1 số tiền

1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 8/2023 đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái quy định pháp luật và thực tế anh L đang nuôi dưỡng các cháu K, N1 phát triển tốt, nên HĐXX xem xét ghi nhận sự tự nguyện về con chung của anh L và chị A1 là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ: Chị A1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần Quang L xác định không có, nên HĐXX xem xét giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A1 phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227,Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A1 đối với anh Trần Quang L. Cho chị Nguyễn Thị A1 được ly hôn anh Trần Quang L.

2/ Về con chung: có 02 con chung là: Trần Quang K, sinh ngày 22/9/2006 và Trần Thị N1, sinh ngày 05/12/2012. Giao cả hai con chung là cháu Trần Quang K và cháu Trần Thị N1 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đều đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L cụ thể như sau: Cấp dưỡng nuôi cháu Trần Quang K số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 8/2023 đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị N1 số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 8/2023 đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay

đổi khác. Chị Nguyễn Thị A1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung: Chưa giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị A1 phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị A1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0060940 ngày 27/04/2023.

5/ Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Quang L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thị Thu Hường

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện B
- UBND xã T
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ